

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 8 - 2023

*“Về lý hôn, tranh chấp nuôi
con chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đào Thị Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trường Ca và bà Vũ Thị Linh.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Đức Phú - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:** Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/7/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu dân cư B, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- **Bị đơn:** Anh Trương Tín H2, sinh năm 1980; nơi ĐKKHKT: Khu dân cư B, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Hiện đang chấp hành án tại đội 41, phân trại số 1, trại giam X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Vũ Thị H1 và bị đơn anh Trương Tín H2 đều trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 và anh H2 kết hôn với nhau ngày 21/10/2013, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S2, tỉnh Kon Tum và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới anh chị về chung sống với nhau tại khu dân cư B, phường C, thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh), tỉnh Hải Dương. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì

anh H2 bị Tòa án xét xử và kết án 10 năm tù. Hiện nay anh H2 đang chấp hành án tại Đội 41, phân trại số 1, trại giam X, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Theo chị H1 trình bày: Thời gian đầu anh H2 chấp hành án tại trại giam thì chị vẫn đến thăm anh H2. Từ năm 2021 đến nay chị không còn liên lạc với anh H2 do thời gian vợ chồng xa cách đã lâu, bản thân chị vất vả lo toan mọi công việc trong gia đình không có sự chia sẻ, hỗ trợ của chồng nên chị cảm thấy chán nản với cuộc hôn nhân của anh chị. Từ đó tình cảm vợ chồng của chị đối với anh H2 đã hết. Chị xác định trường hợp anh H2 được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù để sớm được trở về thì chị vẫn không về đoàn tụ với anh H2. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H2.

Theo anh H2 trình bày: Hiện nay do anh đang phải chấp hành án phạt tù, hoàn cảnh vợ chồng xa cách, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay chị H1 xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn chị H1 và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

- Về quan hệ con chung: Chị H1 và anh H2 có 01 con chung là Trương Bảo A, sinh ngày 15/12/2014, hiện nay đang sống cùng với chị H1. Chị H1 đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con chung với chị, anh H2 đồng ý.

- Về quan hệ tài sản: Chị H1 và anh H2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo ông Vũ Đình L và bà Trương Thị P là bố mẹ của chị H1 trình bày: Do sống gần chị H1 và được nghe chị H1 tâm sự nên ông bà biết anh H2, chị H1 chung sống với nhau được một thời gian đến năm 2016 thì anh H2 bị Tòa án kết án và phải chấp hành án tại trại giam X. Trong thời gian anh H2 chấp hành án, chị H1 phải lo toan mọi công việc trong gia đình, thời gian vợ chồng xa cách đã lâu nên tình cảm chị H1 dành cho anh H2 đã hết. Mặc dù ông bà đã động viên chị H1 rút đơn xin ly hôn nhưng chị H1 vẫn không thay đổi ý kiến.

Cháu Trương Bảo A có nguyện vọng được ở với mẹ.

Theo xác minh tại khu dân cư B: Anh H2 và chị H1 trước đây cùng chung sống với nhau tại địa phương, đến khoảng năm 2016 - 2017 anh H2 bị Tòa án kết án và phải đi chấp hành án tại trại giam X, tỉnh Phú Yên đến nay chưa về địa phương. Chị H1 là công dân thuộc hộ cận nghèo ở địa phương.

- *Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H1, cho chị Vũ Thị H1 được ly hôn anh Trương Tín H2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trương Bảo A, sinh ngày 15/12/2014 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thỏa thuận, thay đổi khác. Chị H1 tự nguyện không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh H2 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Vũ Thị H1 là cá nhân thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”, bị đơn là anh Trương Tín H2 đăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng trước khi chấp hành hình phạt tù là: Khu dân cư B, phường C, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa nguyên đơn là chị H1 và bị đơn là anh H2 vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H1 và anh H2.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Chị Huyền và anh H2 kết hôn với nhau ngày 21/10/2013 trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S1, huyện S2, tỉnh Kon Tum nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa chị H1 và anh H2 đến nay không hạnh phúc; anh chị không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; không sống chung với nhau đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do anh H2 phải chấp hành án phạt tù tại trại giam X, tỉnh Phú Yên, vợ chồng xa cách về mặt địa lý và không có sự chia sẻ trong cuộc sống, nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến nay, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn, chị Huyền giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh H2, anh H2 đồng ý ly hôn chị H1 nhưng do anh H2 đang phải chấp hành án tại trại giam nên không đến Tòa án làm việc được và đã gửi bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị H1 được ly hôn anh H2.

Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị H1 và anh H2 đều có quan điểm giao con chung là Trương Bảo A cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng; chị

H1 tự nguyện không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con chung với chị; bản thân cháu A có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của chị H1 và anh H2 không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp nguyện vọng của con chung và đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H1. Giao con chung là Trương Bảo A, sinh ngày 15/12/2014 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thỏa thuận, thay đổi khác; chị H1 tự nguyện không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Về quan hệ tài sản: Chị H1 và anh H2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H1 là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do chị H1 là cá nhân thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H1, cho chị Vũ Thị H1 được ly hôn anh Trương Tín H2.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Trương Bảo A, sinh ngày 15/12/2014 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thỏa thuận, thay đổi khác. Chị H1 tự nguyện không yêu cầu anh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị H1 là cá nhân thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả chị H1 số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0003711 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND xã Sa Nghĩa, huyện Sa Thầy, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Hậu